

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc
Dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc dược liệu, thuốc có kết hợp
dược chất với các dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2024-2025
của Bệnh viện Đa khoa Vùng Tây Nguyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016;
Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;
Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn
nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa
chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng
Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây
chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương
EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng,
giá, khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 04/2024/TT-BYT ngày 20 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng
Bộ Y tế quy định danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng
Bộ Y tế quy định danh mục thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm được áp dụng hình
thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp
dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng
Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 303/BC-SYT ngày 23/8/2024 của Sở Y tế Báo
cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc, Dự toán mua sắm: Mua
sắm thuốc dược liệu, thuốc có kết hợp dược chất với các dược liệu, thuốc cổ truyền
năm 2024-2025 của Bệnh viện Đa khoa Vùng Tây Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Vùng Tây Nguyên tại Tờ trình số 2319/TTr-BVVTN ngày 20/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc Dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc được liệu, thuốc có kết hợp được chất với các được liệu, thuốc cổ truyền năm 2024-2025 của Bệnh viện Đa khoa Vùng Tây Nguyên, với số tiền **9.028.683.700 đồng** (Bằng chữ: Chín tỷ, không trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi ba nghìn, bảy trăm đồng), chi tiết như Phụ lục I, II kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Bệnh viện Đa khoa Vùng Tây Nguyên (Bên mời thầu) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện mua thuốc đúng quy định tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời, chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý, tiêu chí kỹ thuật và giá mặt hàng thuốc tại Điều 1 Quyết định này.

2. Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Vùng Tây Nguyên chịu trách nhiệm về tính pháp lý của các hồ sơ có liên quan, danh mục, số lượng, đơn giá mua sắm thuốc và hình thức lựa chọn nhà thầu tại Điều 1 Quyết định này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Y tế chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát Bệnh viện Đa khoa Vùng Tây Nguyên thực hiện việc mua thuốc theo đúng các tiêu chí kỹ thuật, danh mục được phê duyệt và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Vùng Tây Nguyên và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (bản giấy);
- TT HĐND tỉnh (thay b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh;
- Phòng KGVX-VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (XTn 07b).



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

H'Yim Kđoh

Phụ lục II

**DANH MỤC GÓI THẦU: MUA SẮM THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CÓ KẾT HỢP DƯỢC CHẤT VỚI CÁC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN
NĂM 2024-2025 CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA VÙNG TÂY NGUYÊN**

*(Kèm theo Quyết định số **2246/QĐ-UBND** ngày **27** / 8 /2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

STT	Tên thành phần của thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Hoắc hương/ Quảng hoắc hương, Tía tô/ Tử tô diệp, Bạch chỉ, Bạch linh/Phục linh, Đại phúc bì, Thương truật, Hậu phác, Trần bì, Cam thảo, Bán hạ/ Bán hạ chế, (Cát cánh, Can khương).	3		Uống	Viên	Viên	10.000	1.300	13.000.000
2	Xuyên khung, Bạch chỉ, Hương phụ, Quế, Gừng, Cam thảo bắc	3		Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/túi/chai/lọ/ống	10.000	2.770	27.700.000
3	Xuyên khung, Khương hoạt, Bạch chỉ, Hoàng cầm, Phòng phong, Sinh địa, Thương truật, Cam thảo, Tế tân	3		Uống	Viên nang	Viên	10.000	3.140	31.400.000
4	Actiso, Sài đất, Thương nhĩ tử, Kim ngân, Hạ khô thảo	3		Uống	Viên	Viên	30.000	900	27.000.000
5	Bạch mao căn, Đương quy, Kim tiền thảo, Xa tiền tử, Ý dĩ, Sinh địa.	3		Uống	Viên	Viên	30.000	2.040	61.200.000
6	Bạch thược, Bạch truật, Cam thảo, Diệp hạ châu, Đương quy, Đảng sâm, Nhân trần, Phục linh, Trần bì.	3		Uống	Viên	Viên	90.000	2.835	255.150.000
7	Cam thảo, Bạch mao căn, Bạch thược, Đan sâm, Bân lam căn, Hoắc hương, Sài hồ, Liên kiều, Thần khúc, Chi thực, Mạch nha, Nghệ	3		Uống	Viên nang	Viên	60.000	2.200	132.000.000
8	Diệp hạ châu, Chua ngút, Cỏ nhọ nôi	3		Uống	Viên	Viên	80.000	1.800	144.000.000
9	Diệp hạ châu, Hoàng bá, Mộc hương, Quế nhục, Tam thất.	3		Uống	Viên nang	Viên	12.000	1.680	20.160.000
10	Diệp hạ châu, Tam thất, Kim ngân hoa, Cam thảo, Thảo quyết minh, Cúc hoa.	3		Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/túi/chai/lọ/ống	60.000	4.620	277.200.000
11	Hoạt thạch, Cam thảo	3		Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/túi/chai/lọ/ống	30.000	5.300	159.000.000

STT	Tên thành phần của thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
12	Kim ngân hoa, Liên kiều, Diệp hạ châu, Bồ công anh, Mẫu đơn bì, Đại hoàng	3		Uống	Viên nang	Viên	30.000	2.780	83.400.000
13	Kim tiền thảo, Trạch tả, (Thực địa), (Đường kính trắng)	3		Uống	Viên hoàn cứng	Gói/túi	30.000	4.494	134.820.000
14	Long đóm thảo, Chi tử, Đương quy, Sài hồ, Hoàng cầm, Trạch tả, Xa tiền tử, Sinh địa/Địa hoàng, Cam thảo, (Mộc thông)	3	≥250ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/gói/túi	3.000	40.000	120.000.000
15	Nhân trần, Bồ công anh, Cúc hoa, Actiso, Cam thảo, Kim ngân hoa.	3		Uống	Viên nang	Viên	36.000	2.100	75.600.000
16	Cao toàn phần không xà phòng hóa quả bơ, Cao toàn phần không xà phòng hóa dầu đậu nành	4		Uống	Viên nang	Viên	12.000	12.000	144.000.000
17	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Đỗ trọng, Ngưu tất, Trinh nữ, Hồng hoa, Bạch chi, Tục đoạn, Bồ cốt chi.	3		Uống	Viên nang	Viên	240.000	2.100	504.000.000
18	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Tàn giao, Bạch thược, Ngưu tất, Sinh địa/Thực địa, Cam thảo, Đỗ trọng, Tế tân, Quế nhục, Nhân sâm/Đảng sâm, Đương quy, Xuyên khung	3		Uống	Viên nang	Viên	180.000	1.150	207.000.000
19	Lá lốt, Hy thiêm, Ngưu tất, Thổ phục linh	3		Uống	Viên nang	Viên	180.000	2.100	378.000.000
20	Mã tiền chế, Thương truật, Hương phụ tứ chế, Mộc hương, Địa liên, Quế chi.	3		Uống	Viên	Viên	100.000	1.500	150.000.000
21	Mã tiền chế, Thương truật, Hương phụ tứ chế, Mộc hương, Địa liên, Quế chi	3		Uống	Viên nang	Viên	150.000	1.710	256.500.000
22	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng liên, Cam thảo, Bạch linh, Đảng sâm, Thần khúc, Trần bì, Sa nhân, Mạch nha, Sơn tra, Hoài sơn/Sơn dược, Nhục đậu khấu	3		Uống	Viên hoàn cứng	Gói/túi	18.000	3.780	68.040.000
23	Bạch truật, Ý dĩ, Cam thảo, Mạch nha, Liên nhục, Sơn tra, Đảng sâm, Thần khúc, Phục linh, Phấn hoa, Hoài Sơn, Cao xương hỗn hợp.	3	≥100ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/gói/túi	5.400	50.000	270.000.000
24	Mật ong/Cao mật heo, Nghệ, (Trần bì)	3		Uống	Viên hoàn cứng	Gói/túi	12.000	4.000	48.000.000

STT	Tên thành phần của thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
25	Mộc hương, Hoàng liên/Berberin, (Xích thước/Bạch thước), (Ngô thù du)	3		Uống	Viên nang	Viên	12.000	840	10.080.000
26	Nghệ vàng.	3	≥100ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/gói/túi	9.000	54.000	486.000.000
27	Nhân sâm/Đảng sâm, Hoàng kỳ, Đương quy, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam thảo, (Sinh khương), (Đại táo).	3		Uống	Viên nang	Viên	84.000	780	65.520.000
28	Nhân sâm, Hoàng kỳ, Đương quy, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam thảo, Hòe hoa, Cỏ nhọ nồi, Kim ngân hoa, Đào nhân.	3		Uống	Viên nang	Viên	6.000	8.450	50.700.000
29	Phòng đăng sâm, Thương truật, Hoài sơn, Hậu phác, Mộc hương, Ô tặc cốt, Cam thảo.	3		Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/túi/chai/lọ/ống	12.000	3.350	40.200.000
30	Trần bì, Đương quy, Mạch nha, Phục linh, Chi xác, Thanh bì, Bạch truật, Hậu phác, Bạch đậu khấu, Can khương, Mộc hương	3		Uống	Viên nang	Viên	12.000	3.000	36.000.000
31	Cao khô Trinh nữ hoàng cung.	1		Uống	Viên nang	Viên	32.000	4.950	158.400.000
32	Xích đồng nam, Ngấy hương, Thục địa, Hoài sơn, Đan bì, Bạch linh, Trạch tả, Mật ong.	3		Uống	Viên hoàn cứng	Gói/túi	32.000	9.500	304.000.000
33	Bạch truật, Cam thảo, Mạch nha, Đảng sâm, Đỗ trọng, Đương quy, Phục linh, Sa nhân, Hoài sơn, Táo nhân, Liên nhục, Bạch thước, Trần bì, Viễn chí, Ý dĩ, Bạch tật lê.	3		Uống	Viên hoàn cứng	Gói/túi	12.000	4.000	48.000.000
34	Đảng tâm thảo, Táo nhân, Thảo quyết minh, Tâm sen	3		Uống	Viên nang	Viên	60.000	2.100	126.000.000
35	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương)	3		Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/túi/chai/lọ/ống	60.000	3.200	192.000.000
36	Đinh lăng, Bạch quả, Cao Đậu tương lên men.	3		Uống	Viên nang	Viên	150.000	2.916	437.400.000
37	Địa long, Hoàng kỳ, Đương quy, Xích thước, Xuyên khung, Đào nhân, Hồng hoa	3		Uống	Viên nang	Viên	45.000	5.500	247.500.000
38	Đương quy, Bạch quả.	3		Uống	Viên nang	Viên	30.000	1.490	44.700.000
39	Lá sen/Tâm sen, Lá vông, Bình vôi/Rotundin	3		Uống	Viên	Viên	60.000	2.935	176.100.000
40	Lá sen, Lá vông/Vông nem, Lạc tiên, (Tâm sen), (Bình vôi), (Trinh nữ)	3		Uống	Viên nang	Viên	30.000	1.485	44.550.000

STT	Tên thành phần của thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
41	Thỏ ty tử, Hà thủ ô, Dây đau xương, Cốt toái bổ, Đỗ trọng, Cúc bắt tử, Nấm sò khô.	3		Uống	Viên nang	Viên	60.000	2.500	150.000.000
42	Toan táo nhân, Tri mẫu, Phục linh, Xuyên khung, Cam thảo.	3		Uống	Viên nang	Viên	30.000	3.100	93.000.000
43	Lá thường xuân.	3		Uống	Viên	Viên	15.000	3.800	57.000.000
44	Lá thường xuân.	3	≥80ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/gói/túi	3.000	23.499	70.497.000
45	Nhân sâm, Nhung hươu, (Cao ban long)	3		Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/gói/túi	18.000	6.800	122.400.000
46	Câu đằng, Thiên ma, Hoàng cầm, Đỗ trọng, Bạch phục linh, Thạch quyết minh, Ngưu tất, Ích mẫu, Tang ký sinh, Sơn chi, Dạ giao đằng, (Hòe hoa).	3		Uống	Viên nang	Viên	18.000	2.650	47.700.000
47	Đương quy di thực	3		Uống	Viên nang	Viên	12.000	3.500	42.000.000
48	Hà thủ ô đỏ, Đảng sâm, Sơn thù, Mạch môn, Hoàng kỳ, Bạch truật, Cam thảo, Ngũ vị tử, Đương quy, Mẫu đơn bì	3		Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/lọ/ống/gói/túi	30.000	3.780	113.400.000
49	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thực/Xích thực), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm)	3	≥100ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/gói/túi	7.500	38.200	286.500.000
50	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thực/Xích thực), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm)	3		Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/gói/túi	300.000	4.200	1.260.000.000
51	Hoàng kỳ, Đào nhân, Hồng hoa, Địa long, Nhân sâm, Xuyên khung, Đương quy, Xích thực, Bạch thực.	3		Uống	Viên	Viên	90.000	1.010	90.900.000
52	Ngưu tất, Nghệ, Hoa hòe/Rutin, (Bạch truật).	3		Uống	Viên nang	Viên	90.000	900	81.000.000
53	Phòng phong, Hòe giác, Đương quy, Địa du, Chi xác, Hoàng cầm	3		Uống	Viên nang	Viên	12.000	4.900	58.800.000
54	Tam thất	3		Uống	Viên nang	Viên	60.000	3.500	210.000.000
55	Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Đan bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Phục linh, Trạch tả.	3		Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/gói/túi	30.000	4.914	147.420.000



STT	Tên thành phần của thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
56	Ích mẫu, Bạch thực, Đại hoàng, Thục địa, Hương phụ, Đương quy, Bạch truật, Xuyên khung, Huyền hồ sách, Phục linh	3		Uống	Viên nang	Viên	1.000	2.850	2.850.000
57	Ích mẫu, Hương phụ, Ngải cứu, (Đương quy)	3		Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/gói/túi	300	4.389	1.316.700
58	Thục địa, Đương quy, Bạch thực/Hà thủ ô, Xuyên khung, Ích mẫu, Ngải cứu/Ngải diệp, Hương phụ/Hương phụ chế, (Nghệ), (Đảng sâm).	3		Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/gói/túi	200	7.500	1.500.000
59	Bạch tật lê, Bạch thực, Câu kỷ tử, Cúc hoa, Đan bì/Mẫu đơn bì, Đương quy, Hoài sơn, Phục linh/Bạch linh, Thục địa, Sơn thù/Sơn thù du, Thạch quyết minh, (Trạch tả)	3		Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/gói/túi	3.000	11.000	33.000.000
60	Tân di/Tân di hoa, Cáo bản, Bạch chỉ, Phòng phong, Tế tân, Xuyên khung, Thăng ma, Cam thảo.	3		Uống	Viên nang	Viên	12.000	1.900	22.800.000
61	Thương nhĩ tử, Hoàng kỳ, Bạch chỉ, Phòng phong, Tân di hoa, Bạch truật, Bạc hà, (Kim ngân hoa)	3		Uống	Viên nang	Viên	16.000	830	13.280.000
62	Ô dầu, Mã tiền/Địa liền, Thiên niên kiện, Quế nhục/Quế chi, Đại hồi, Huyết giác, Tinh dầu long não, Methyl salicylat	4		Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/lọ	1.200	27.500	33.000.000
63	Camphor/Long não, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu tràm, Tinh dầu hương nhu, Tinh dầu quế, (Methol).	3		Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/lọ	1.200	30.000	36.000.000
Tổng cộng: 63 khoản									9.028.683.700